

CÔNG TY TNHH F&B MINH KHANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH F&B MINH KHANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: F&B MINH KHANG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110591556

3. Ngày thành lập: 05/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 1 Số 39, Ngõ 59 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989899262

Fax:

Email: Minhkhang.nhhuongcang@gmail.com Website: il.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
12.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
13.	Trồng lúa	0111
14.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
15.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131

16.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
17.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
18.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
19.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức họp báo)	8230
20.	Dịch vụ đóng gói	8292
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
22.	Cho thuê xe có động cơ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7710
23.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
24.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đấu giá)	4719
25.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
26.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
27.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
28.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
29.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
30.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
31.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
32.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
33.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
34.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
35.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
36.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
37.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
38.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm: -Hoạt động của đấu giá viên, -Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; -Bán lẻ tem và tiền kim khí;)	4789
39.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
40.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
41.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
42.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
43.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
44.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931

45.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
46.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
47.	Vận tải đường ống	4940
48.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
50.	Bốc xếp hàng hóa	5224
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
53.	Bưu chính	5310
54.	Chuyển phát	5320
55.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
56.	Cơ sở lưu trú khác	5590
57.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
58.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
59.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)	5630
61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7730
62.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
63.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
64.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
65.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
66.	Xây dựng nhà để ở	4101
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
69.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
70.	Xây dựng công trình điện	4221

* Họ và tên: DƯƠNG THỊ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/06/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 014194005652

Ngày cấp: 05/03/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 1, Thôn Tế Tiêu, Thị trấn Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Đội 1, Thôn Tế Tiêu, Thị trấn Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội